

## **Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



**Shape the future  
with confidence**

# Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

**MỤC LỤC**

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 12
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	13
Báo cáo kiểm toán độc lập	14 - 15
Báo cáo thu nhập	16
Báo cáo tình hình tài chính	17 - 18
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ	19
Báo cáo danh mục đầu tư	20 -21
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	22 - 23
Thuyết minh báo cáo tài chính	24 - 65

02.  
TY  
iH  
YOU  
NA  
HỒ C

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## THÔNG TIN CHUNG

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 VNĐ, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 405.303.689.200 VNĐ, tương đương với 40.530.368,92 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ" hoặc "VCBF").

### NGÂN HÀNG GIÁM SÁT VÀ LƯU KÝ

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

### CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp), và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Mạc Quang Huy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thủy	Thành viên độc lập	Ngày 9 tháng 8 năm 2019
Bà Vũ Ngọc Quỳnh	Thành viên	Ngày 21 tháng 11 năm 2023

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank - Công ty Quản lý Quỹ	Ngày 17 tháng 4 năm 2024

Bà Phạm Thanh Huyền - Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được bà Nguyễn Thị Hằng Nga - Tổng Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ ủy quyền ký báo cáo này theo Giấy Ủy quyền số 12225/UQ-VCBF ngày 25 tháng 8 năm 2025.

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ



Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

#### 1. Mục tiêu của Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF ("Quỹ") được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ("UBCKNN") cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định.

#### 2. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ đã được kiểm toán, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, thay đổi giá trị tài sản ròng ("NAV") trên 1 đơn vị quỹ của Quỹ và thay đổi của chỉ số tham chiếu lần lượt là 5,60% và 2,98% so với ngày 31 tháng 12 năm 2024.

#### 3. Chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn và sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao.

Quỹ sẽ áp dụng phương pháp lựa chọn các khoản đầu tư phù hợp với từng loại tài sản nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ và tuân thủ các quy định tại Điều lệ quỹ. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, Công ty Quản lý Quỹ sẽ thực hiện phân bổ tài sản hợp lý nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

Các loại tài sản Quỹ được đầu tư bao gồm tài sản có thu nhập cố định, cổ phiếu, công cụ phái sinh và các quyền tài sản phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ. Tùy theo tình hình thị trường, Quỹ sẽ đầu tư lên đến 100% tài sản của Quỹ vào các tài sản có thu nhập cố định. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được phát hành kèm trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu mà Quỹ nắm giữ sẽ không vượt 20% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ.

#### 4. Phân loại Quỹ

Quỹ được tổ chức dưới hình thức quỹ mở theo quy định của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành.

#### 5. Thời gian khuyến nghị đầu tư của Quỹ: Trung đến dài hạn

#### 6. Mức độ rủi ro ngắn hạn (thấp, trung bình, cao): Thấp

#### 7. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

#### 8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

- Tổng giá trị tài sản ròng: 619.024.402.871 Việt Nam Đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ: 40.530.368,92 chứng chỉ quỹ.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

## BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

### I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

9. **Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ:** Lợi suất trái phiếu Chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

### 10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Việc phân phối lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ quyết định phù hợp với các quy định tại Điều lệ Quỹ theo đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối.

Công ty Quản lý Quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không đủ khả năng tài chính để hoàn thành các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ tài sản, các khoản nợ đến hạn theo quy định của pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu theo quy định của pháp luật.

### 11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

### 1. Phân bổ tài sản quỹ

<i>Phân bổ tài sản quỹ</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2024 (%)</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 (%)</i>
Danh mục trái phiếu	54,32	59,85	58,97
Tài sản khác	45,68	40,15	41,03
<b>Tổng cộng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

STT	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VNĐ)	619.024.402.871	386.080.314.160	143.304.007.478
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành	40.530.368,92	26.693.531,62	10.639.576,72
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ	15.273,10	14.463,44	13.468,95
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	15.431,73	14.464,92	13.472,25
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm	14.449,36	13.469,44	12.226,87
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (a)	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	5,60	7,38	9,88
9.1	Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị quỹ (Thay đổi do biến động giá) (b)	(0,66)	(0,01)	1,07
9.2	Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị quỹ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) (b)	6,26	7,39	8,81
10	Phân phối gộp trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (c)	-	-	-
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (c)	-	-	-
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%)	0,76	0,66	1,35
14	Tốc độ vòng quay danh mục (%)	50,18	44,08	20,87

(a) Chứng chỉ quỹ của Quỹ không được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

(b) Phần phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối do theo quy định hạch toán hiện tại, toàn bộ giá trị chứng chỉ quỹ mua lại được hạch toán giảm vốn mà không phân tách chi tiết thành hai phần, vốn và lợi nhuận chưa phân phối.

(c) Quỹ chưa phân phối lợi nhuận.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

### 3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ trên một đơn vị quỹ (%)	Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ (%)
1 năm (từ 1/1/2025 đến 31/12/2025)	5,60	2,98
3 năm (từ 1/1/2023 đến 31/12/2025)	24,60	10,36
3 năm (bình quân năm)	7,61	3,34
Từ khi thành lập	52,73	21,36
Từ khi thành lập (bình quân năm)	6,84	3,07

### 4. Tăng trưởng hàng năm

Chỉ tiêu	Năm 2025 (%)	Năm 2024 (%)	Năm 2023 (%)
Tăng trưởng của giá trị tài sản ròng của Quỹ/1 đơn vị quỹ	5,60	7,38	9,88

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM

### 1. Kinh tế vĩ mô

Tăng trưởng GDP năm 2025 tăng tốc và vượt mục tiêu đề ra, đạt 8,02% so với cùng kỳ (Quý 4 đạt 8,46%), cao hơn đáng kể mức bình quân 5 năm trước đại dịch (6,76%), phản ánh đã phục hồi đồng bộ của cả khu vực sản xuất và dịch vụ.

- ▶ Khu vực Công nghiệp & Xây dựng tăng 9,0% so với cùng kỳ (2024: 8,2%), tiếp tục là động lực chính của tăng trưởng kinh tế. Ngành Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 10,0%, duy trì vai trò dẫn dắt dù vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 12,2% của giai đoạn trước Covid. Ngành xây dựng tăng mạnh 9,6%, mức cao nhất kể từ năm 2016, nhờ đẩy mạnh đầu tư công, trong khi ngành Khai khoáng phục hồi nhẹ 0,4% sau 2 năm suy giảm liên tiếp.
- ▶ Khu vực Dịch vụ tăng 8,6%, cao hơn mức bình quân 7,0% của giai đoạn trước đại dịch và tiệm cận tốc độ tăng trưởng trước Covid.
- ▶ Khu vực Nông, Lâm nghiệp & Thủy sản tăng 3,8%, cao hơn các mức trung bình trước đây và gần tương đương năm 2023, bất chấp tác động bất lợi của thời tiết trong Quý 4.
- ▶ Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tăng 9,2% theo giá danh nghĩa và 6,7% theo giá thực, cho thấy tiêu dùng nội địa duy trì ổn định.
- ▶ Chỉ số PMI duy trì trên ngưỡng 50 điểm trong nửa cuối năm (bình quân 52,4 điểm), cải thiện rõ rệt so với mức 48,8 điểm trong nửa đầu năm, phản ánh sự phục hồi của đơn hàng mới và hoạt động sản xuất.
- ▶ Xuất khẩu tăng 17,0% so với cùng kỳ, bất chấp những lo ngại đầu năm về rủi ro thuế quan từ Mỹ. Nhóm điện tử (+48,4%) và máy móc (+13,2%) tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng. Thặng dư thương mại hàng hóa đạt 20,0 tỷ USD, dù giảm so với mức cao của năm trước nhưng vẫn vượt xa bình quân 5 - 10 năm.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG NĂM (tiếp theo)

### 1. Kinh tế vĩ mô (tiếp theo)

- ▶ FDI giải ngân đạt kỷ lục mới 27,6 tỷ USD (+9,0% YoY), trong đó lĩnh vực chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng chủ đạo, củng cố triển vọng trung hạn của khu vực sản xuất.
- ▶ Lạm phát ở mức 3,5%, duy trì dưới trần mục tiêu 4,5–5,0% của Chính phủ, song áp lực lạm phát vẫn hiện diện nếu so với mức lạm phát 2,9% năm 2024 trong bối cảnh tín dụng tăng mạnh 17,7% cho cả năm.

Về tỷ giá, áp lực mất giá của VNĐ giảm dần trong Quý 4 sau khi Fed hạ lãi suất ba lần trong năm. VNĐ tăng nhẹ 0,26% theo quý và thu hẹp mức mất giá còn 3,2% so với cùng kỳ, trong khi chỉ số DXY giảm 9,4%. Cán cân vốn tiếp tục được hỗ trợ nhờ thặng dư thương mại và dòng vốn FDI mạnh, tiếp tục đóng vai trò đệm ổn định thị trường ngoại hối.

### 2. Thị trường trái phiếu

Tính đến cuối năm 2025, Kho bạc Nhà nước đã gọi thầu thành công 371,5 nghìn tỷ đồng Trái phiếu Chính phủ, tăng 12,4% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 74% kế hoạch phát hành năm. Tỷ lệ dự thầu trên khối lượng chào bán giảm xuống mức 0,9 lần trong năm 2025 so với mức 1,2 lần của năm 2024, phản ánh nhu cầu của nhà đầu tư sụt giảm trong bối cảnh thanh khoản thắt chặt lại do tín dụng tăng tốc. Kỳ hạn 10 năm chiếm ưu thế trong năm 2025, chiếm 84% tổng khối lượng dự thầu và 85% tổng khối lượng phát hành. Tính cho cả năm, lợi suất Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm tăng 123 điểm phần trăm trên thị trường sơ cấp và 107 điểm phần trăm trên thị trường thứ cấp, qua đó thu hẹp khoảng cách giữa hai thị trường xuống còn 4 điểm phần trăm vào cuối năm 2025 so với mức 20 điểm phần trăm cuối năm 2024. Đối với kỳ hạn 5 năm, đã tăng lợi suất đã chậm lại trong quý 4 (+17-20 điểm phần trăm) và kết thúc năm 2025 với mức tăng tổng cộng 114 điểm phần trăm trên thị trường sơ cấp và 96 điểm phần trăm trên thị trường thứ cấp.

Đối với hoạt động phát hành trái phiếu doanh nghiệp, tổng khối lượng phát hành trong cả năm 2025 tăng 37,0% so với cùng kỳ năm trước lên mức 641,4 nghìn tỷ đồng. Phát hành riêng lẻ vẫn tiếp tục dẫn dắt, tăng 29,6%, chiếm 87,4% tổng khối lượng phát hành. Phát hành ra công chúng tăng mạnh 52,4%, nâng tỷ trọng lên 12,6% tổng khối lượng phát hành (tăng từ 7,6% trong năm 2024). Khối lượng phát hành từ các doanh nghiệp bất động sản tăng mạnh 57,7% so với cùng kỳ, chiếm 23% tổng khối lượng phát hành. Trong khi đó, các ngân hàng tiếp tục là tổ chức phát hành lớn nhất với 426,4 nghìn tỷ đồng trái phiếu được phát hành, tương đương 66% toàn thị trường. Trong cơ cấu phát hành của ngân hàng, 27% có kỳ hạn 1–3 năm, 37% có kỳ hạn 3–5 năm và 36% có kỳ hạn trên 5 năm. Lợi suất trái phiếu ngân hàng tăng ở hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ các kỳ hạn trên 7 năm duy trì trạng thái ổn định. Lợi suất trung bình của kỳ hạn 3–5 năm tăng mạnh nhất (+37 điểm phần trăm), tiếp sau là kỳ hạn 1–3 năm (+26 điểm phần trăm) và kỳ hạn 5–7 năm (+22 điểm phần trăm). Lợi suất trung bình của trái phiếu bất động sản giảm xuống còn 10,1% trong năm 2025 với kỳ hạn bình quân là 3,3 năm, so với mức lần lượt 11,3% và 3,5 năm của năm 2024.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

Chỉ tiêu	1 năm đến thời điểm báo cáo (%)	Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)
Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ (a)	6,26	Không áp dụng
Tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ (a)	(0,66)	Không áp dụng
Tăng trưởng hàng năm/1 đơn vị quỹ	5,60	6,84
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	Không áp dụng	Không áp dụng
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng

(a) Phân phân tách tăng trưởng/1 đơn vị quỹ thành tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị quỹ và tăng trưởng vốn/1 đơn vị quỹ chỉ mang tính tương đối.

Thay đổi giá trị tài sản ròng:

Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Ngày 31 tháng 12 năm 2024 VNĐ	Tỷ lệ thay đổi (%)
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	619.024.402.871	386.080.314.160	60,34
Giá trị tài sản ròng (NAV)/1 đơn vị quỹ	15.273,10	14.463,44	5,60



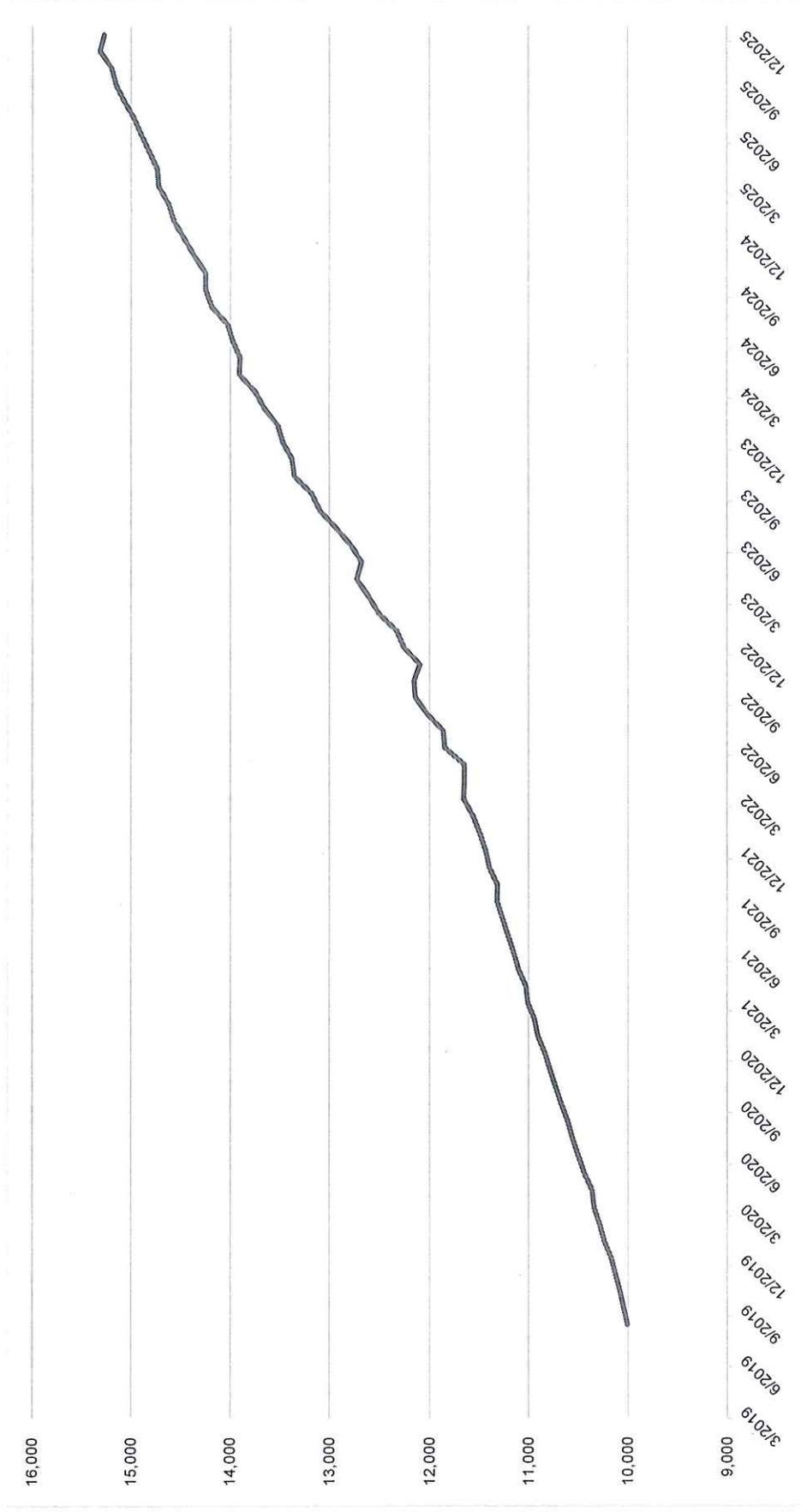
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)**

**1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ (tiếp theo)**

Biểu đồ thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị quỹ hàng tháng của Quỹ:



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

## IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)	Số lượng nhà đầu tư nắm giữ	Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Dưới 5.000	12.897	7.053.437,58	17,40
Từ 5.000 đến 10.000	548	3.743.249,94	9,24
Từ 10.000 đến 50.000	506	10.809.476,11	26,67
Từ 50.000 đến 500.000	102	11.339.116,60	27,98
Trên 500.000	5	7.585.088,69	18,71
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.058</b>	<b>40.530.368,92</b>	<b>100,00</b>

### 3. Chi phí ngảm và giảm giá: Không có

## V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Lợi suất trái phiếu Chính Phủ được dự báo sẽ tiếp tục xu hướng tăng trong năm 2026, được thúc đẩy bởi hai yếu tố chính. Thứ nhất, áp lực tỷ giá vẫn đáng kể trong bối cảnh leo thang căng thẳng địa chính trị làm tăng nhu cầu vàng và tình trạng găm giữ ngoại tệ, từ đó duy trì áp lực lên môi trường lãi suất chung. Thứ hai, đầu tư công đang được mở rộng mạnh mẽ nhằm hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP cao của Chính phủ trong bối cảnh bất ổn thương mại toàn cầu. Quốc hội đã phê duyệt tổng chi ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển là 1,12 triệu tỷ đồng, cao hơn 40% so với kế hoạch năm 2025.

Đối với thị trường trái phiếu doanh nghiệp, hoạt động phát hành riêng lẻ của các ngân hàng dự kiến sẽ tiếp tục sôi động trong năm 2026. Mặc dù NHNN đã đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng ban đầu là 15% cho năm nay, nhưng mức tăng trưởng tín dụng thực tế có khả năng sẽ được điều chỉnh tăng để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số của Chính phủ, từ đó làm gia tăng nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng thương mại. Đối với các tổ chức phát hành phi ngân hàng, việc phát hành ra công chúng sẽ đối mặt với các quy định chặt chẽ hơn. Nghị định 245/2025/TT-BTC, có hiệu lực từ tháng 9 năm 2025, yêu cầu tất cả các tổ chức phát hành trái phiếu ra công chúng phải có xếp hạng tín nhiệm độc lập, trừ khi trái phiếu của họ được bảo lãnh thanh toán đầy đủ bởi các tổ chức đủ điều kiện. Ngoài ra, trái phiếu phát hành riêng lẻ phân phối cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp cá nhân cũng phải có xếp hạng tín nhiệm và được đảm bảo bằng tài sản hoặc bảo lãnh thanh toán đầy đủ từ bên thứ ba. Nhìn chung, lợi suất trái phiếu doanh nghiệp dự kiến sẽ có xu hướng tăng cao hơn, phù hợp với môi trường lãi suất đang gia tăng trên diện rộng.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN KHÁC**

Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban Đại diện Quỹ và Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ đã được trình bày đầy đủ tại Bản cáo bạch của Quỹ.



Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026





## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF (“Quỹ” hoặc “VCBF-FIF”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:
- Theo Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán (“Thông tư 98”) và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành; tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng; và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật (nếu có) của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ cho phù hợp với quy định trong thời gian cho phép.
- Tại kỳ định giá ngày 25 tháng 02 năm 2025, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào một tổ chức phát hành đã phát sinh sai lệch so với hạn mức 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ.
- Công ty Quản lý Quỹ đã thực hiện điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định tại kỳ định giá tiếp theo (ngày 27 tháng 02 năm 2025).
- Tại các kỳ định giá khác trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 35, Thông tư 98 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ, Sổ tay định giá đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận và không chi trả cổ tức cho nhà đầu tư.



Nguyễn Thuỳ Linh

Phó phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT

Vũ Minh Hiền

Nhân viên phòng Dịch vụ Nghiệp vụ Giám sát Quỹ

Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited

Tầng 3, Tháp 1 và Tháp 2, Phòng CP1. L01 và Phòng CP2. L01, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, phường Ngọc Hà, Hà Nội



Shape the future  
with confidence

Ernst & Young Vietnam Limited  
2 Hai Trieu Street, Sai Gon Ward  
Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: +84 28 3824 5252  
Email: eyhcmc@vn.ey.com  
Website (EN): ey.com/en\_vn  
Website (VN): ey.com/vi\_vn

Số tham chiếu: 12841689/E-69125420

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 31 tháng 3 năm 2026 và được trình bày từ trang 16 đến trang 65 bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty Quản lý Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Shape the future  
with confidence

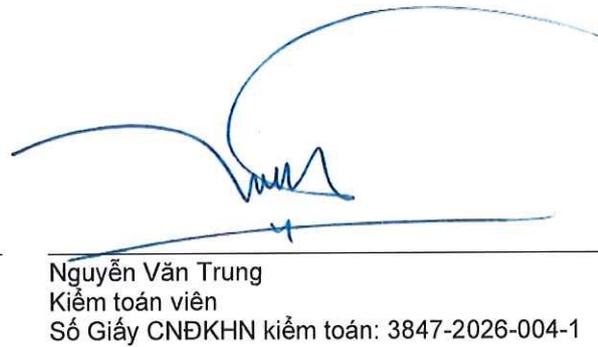
### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quý vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiên Dũng  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1



Nguyễn Văn Trung  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3847-2026-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2026

008  
CÔM  
TI  
NST  
TẾT  
PHÔ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THU NHẬP  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>01</b>	<b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>33.071.816.437</b>	<b>20.554.803.364</b>
03	1.1 Tiền lãi được nhận	13	36.862.150.079	20.962.453.964
04	1.2 Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư	14	506.726.118	(305.641.120)
05	1.3 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(4.297.059.760)	(102.009.480)
<b>10</b>	<b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>		<b>40.174.743</b>	<b>31.148.403</b>
11	2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư	15	40.174.743	31.148.403
<b>20</b>	<b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>		<b>4.069.760.657</b>	<b>1.767.631.342</b>
20.1	3.1 Phí quản lý Quỹ mở	23.1	2.607.089.355	476.897.687
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở	16	215.542.006	146.910.719
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát	23.2	246.186.456	211.200.000
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở	23.2	448.800.000	448.800.000
20.5	3.5 Phí dịch vụ đại lý chuyển nhượng		132.000.000	132.000.000
20.7	3.6 Chi phí họp, đại hội Quỹ mở		132.206.310	69.310.936
20.8	3.7 Chi phí kiểm toán		149.040.000	142.560.000
20.10	3.8 Chi phí hoạt động khác	17	138.896.530	139.952.000
<b>23</b>	<b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		<b>28.961.881.037</b>	<b>18.756.023.619</b>
<b>30</b>	<b>V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>		<b>28.961.881.037</b>	<b>18.756.023.619</b>
31	5.1 Lợi nhuận đã thực hiện		33.258.940.797	18.858.033.099
32	5.2 Lỗ chưa thực hiện	5	(4.297.059.760)	(102.009.480)
<b>40</b>	<b>VI. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>41</b>	<b>VII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>		<b>28.961.881.037</b>	<b>18.756.023.619</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục

Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
<b>100</b>	<b>I. TÀI SẢN</b>			
<b>110</b>	<b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>56.166.441.486</b>	<b>119.146.651.555</b>
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở		12.348.534.637	8.756.405.187
112	1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		43.817.906.849	110.390.246.368
<b>120</b>	<b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>		<b>555.414.421.537</b>	<b>263.513.986.394</b>
121	2.1 Các khoản đầu tư	5	555.414.421.537	263.513.986.394
<b>130</b>	<b>3. Các khoản phải thu</b>		<b>10.271.315.750</b>	<b>7.450.334.738</b>
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		10.271.315.750	7.450.334.738
136	3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	6	10.271.315.750	7.450.334.738
<b>100</b>	<b>TỔNG TÀI SẢN</b>		<b>621.852.178.773</b>	<b>390.110.972.687</b>
<b>300</b>	<b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>			
313	1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	23.1	486.624.006	137.923.859
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		101.088.118	29.914.415
316	3. Chi phí phải trả	7	101.520.000	27.000.000
317	4. Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành Chứng chỉ quỹ	8	1.774.762.003	3.074.464.900
318	5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại Chứng chỉ quỹ	9	11.973.498	622.039.780
319	6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	10	351.808.277	139.315.573
<b>300</b>	<b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.827.775.902</b>	<b>4.030.658.527</b>
<b>400</b>	<b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b>		<b>619.024.402.871</b>	<b>386.080.314.160</b>
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư		405.303.689.200	266.935.316.200
412	1.1 Vốn góp phát hành	11	756.884.252.500	391.096.763.200
413	1.2 Vốn góp mua lại	11	(351.580.563.300)	(124.161.447.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		140.712.787.939	75.098.953.265
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối	12	73.007.925.732	44.046.044.695
<b>430</b>	<b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ</b>	<b>11</b>	<b>15.273,10</b>	<b>14.463,44</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-QM

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm Chứng chỉ quỹ	Số đầu năm Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	19	40.530.368,92	26.693.531,62

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
Danh mục

Người duyệt:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ  
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-QM

STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
I	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (“NAV”) đầu năm</b>	<b>386.080.314.160</b>	<b>143.304.007.478</b>
II	<b>Thay đổi NAV trong năm</b>	<b>28.961.881.037</b>	<b>18.756.023.619</b>
II.1	<i>Trong đó:</i> - Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ trong năm	28.961.881.037	18.756.023.619
III	<b>Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ</b>	<b>203.982.207.674</b>	<b>224.020.283.063</b>
III.1	<i>Trong đó:</i> - Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ	545.104.773.461	321.680.531.608
III.2	- Khoản thanh toán từ việc mua lại chứng chỉ quỹ	(341.122.565.787)	(97.660.248.545)
IV	<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối năm</b>	<b>619.024.402.871</b>	<b>386.080.314.160</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026





Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục

Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
<b>I</b>	<b>Trái phiếu</b>			<b>337.814.479.134</b>	<b>54,32</b>
1	Trái phiếu niêm yết	2.820.741		279.556.248.914	44,95
1.1	- DSE125018	300.000	100.036,950	30.011.085.000	4,83
1.2	- MML121021	319.000	100.747,863	32.138.568.297	5,17
1.3	- MSN123008	770.000	96.999,589	74.689.683.530	12,01
1.4	- TNG122017	270.829	100.526,080	27.225.377.720	4,38
1.5	- TNG124027	597.689	99.910,685	59.715.517.407	9,59
1.6	- VBA123036	25.555	112.400,947	2.872.406.201	0,46
1.7	- VBA124019	46.989	94.266,400	4.429.483.870	0,71
1.8	- VHM121025	490.679	98.789,895	48.474.126.889	7,80
2	Trái phiếu chưa niêm yết, trái phiếu phát hành riêng lẻ	590		58.258.230.220	9,37
2.1	- BCM12406	320	98.472.598	31.511.231.360	5,07
2.2	- HDC12501	100	98.794.833	9.879.483.300	1,59
2.3	- NLG12501	120	98.895.963	11.867.515.560	1,91
2.4	- VDS12501	50	100.000.000	5.000.000.000	0,80
<b>II</b>	<b>Các tài sản khác</b>			<b>10.271.315.750</b>	<b>1,65</b>
1	Dự thu lãi trái phiếu			6.980.516.850	1,12
2	Dự thu lãi chứng chỉ tiền gửi			2.288.136.986	0,37
3	Dự thu lãi tiền gửi			1.002.661.914	0,16



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04-QM

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 VNĐ	Tổng giá trị VNĐ	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (%)
<b>III</b>	<b>Tiền</b>			<b>273.766.383.889</b>	<b>44,03</b>
1	Tiền gửi ngân hàng			93.764.660.108	15,08
1.1	- Tiền gửi thanh toán			12.348.534.637	1,98
1.2	- Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng			43.817.906.849	7,05
1.3	- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng			37.598.218.622	6,05
2	Chứng chỉ tiền gửi			180.001.723.781	28,95
<b>IV</b>	<b>Tổng giá trị danh mục</b>			<b>621.852.178.773</b>	<b>100,00</b>

Hà Nội, Việt Nam  
 Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
 Bà Nguyễn Mai Hoa  
 Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
 Danh mục

Người duyệt:  
 Bà Trần Thị Hà Linh  
 Kế toán Trưởng

Người duyệt:  
 Bà Phạm Thanh Huyền  
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế TNDN		28.961.881.037	18.756.023.619
02	2. Điều chỉnh cho các khoản giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		4.371.579.760	30.729.480
	<i>Trong đó:</i>			
03	Lỗi đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	4.297.059.760	102.009.480
04	Chi phí trích trước		74.520.000	(71.280.000)
05	3. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		33.333.460.797	18.786.753.099
20	Tăng các khoản đầu tư		(296.197.494.903)	(176.525.205.953)
07	Tăng dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		(2.820.981.012)	(5.393.654.561)
11	Tăng phải trả các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ		348.700.147	137.923.859
13	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		71.173.703	29.914.415
14	Giảm phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ		(1.299.702.897)	(1.157.828.950)
15	Giảm/(tăng) phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ		(610.066.282)	621.972.339
16	Tăng phải trả phải nộp khác		-	27.000.000
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở		212.492.704	51.941.335
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(266.962.417.743)	(163.421.184.417)
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ	11	545.104.773.461	321.680.531.608
32	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ	11	(341.122.565.787)	(97.660.248.545)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		203.982.207.674	224.020.283.063
40	<b>III. (GIẢM)/TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>		<b>(62.980.210.069)</b>	<b>60.599.098.646</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B05-QM

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
<b>50</b>	<b>IV. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>4</b>	<b>119.146.651.555</b>	<b>58.547.552.909</b>
51	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		119.146.651.555	58.547.552.909
52	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		110.873.399.732	54.315.191.618
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		483.153.364	6.864.689.715
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		110.390.246.368	47.450.501.903
53	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		8.273.251.823	4.232.361.291
<b>55</b>	<b>V. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>	<b>4</b>	<b>56.166.441.486</b>	<b>119.146.651.555</b>
56	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		56.166.441.486	119.146.651.555
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ mở		54.379.705.985	110.873.399.732
	Trong đó:			
	Tiền gửi không kỳ hạn cho hoạt động của Quỹ		10.561.799.136	483.153.364
	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba (3) tháng		43.817.906.849	110.390.246.368
58	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ		1.786.735.501	8.273.251.823
<b>60</b>	<b>VI. CHÊNH LỆCH TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TRONG NĂM</b>		<b>(62.980.210.069)</b>	<b>60.599.098.646</b>

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026

		
Người lập: Bà Nguyễn Mai Hoa Phó phòng Dịch vụ Quỹ và Danh mục	Người duyệt: Bà Trần Thị Hà Linh Kế toán Trưởng	Người duyệt: Bà Phạm Thanh Huyền Phó Tổng Giám đốc



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

### 1.1 Thông tin về Quỹ

#### Quỹ

Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức Quỹ mở theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 24/GCN-UBCK ngày 10 tháng 5 năm 2019 và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ đại chúng số 40/GCN-UBCK ngày 9 tháng 8 năm 2019 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”) cấp. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Quỹ không có nhân viên và được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”).

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank, Tầng 15, Tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội.

#### Ngân hàng Giám sát và Lưu ký

Ngân hàng Giám sát và Lưu ký của Quỹ là Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam). Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát và Lưu ký được quy định tại Điều lệ Quỹ.

#### Công ty Quản lý Quỹ

Công ty Quản lý Quỹ được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 2 tháng 12 năm 2005 và các giấy phép điều chỉnh do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13 tháng 1 năm 2026. Công ty Quản lý Quỹ được Sở Tài chính Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101842669 lần gần nhất vào ngày gần nhất vào ngày 28 tháng 1 năm 2026 (đăng ký lần đầu ngày 2 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp) và là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ.

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

#### Quy mô vốn

Tổng số chứng chỉ quỹ đã phân phối lần đầu là 5.658.181,28 chứng chỉ với tổng giá trị là 56.581.812.800 VNĐ, chiếm 113,16% tổng số chứng chỉ quỹ dự kiến chào bán là 5.000.000 chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VNĐ/đơn vị quỹ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 405.303.689.200 VNĐ, tương đương với 40.530.368,92 chứng chỉ quỹ.

#### Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư chính của Quỹ là bảo toàn vốn ban đầu và mang lại thu nhập thường xuyên bằng cách đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định. Tài sản cho thu nhập cố định của Quỹ sẽ chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được bảo lãnh của Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp. Trong trường hợp môi trường đầu tư tạm thời không phù hợp với các tài sản cố định nêu trên thì Quỹ có thể đầu tư vào các tài sản cho thu nhập cố định khác. Việc điều chỉnh mục tiêu đầu tư của Quỹ cần phải được nhà đầu tư biểu quyết thông qua theo quy định tại Điều lệ Quỹ, và nếu được chấp thuận, các điều chỉnh này sẽ được cập nhật vào Bản cáo bạch của Quỹ.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Chiến lược đầu tư

Quỹ sẽ tuân thủ một chiến lược đầu tư có kỷ luật nhằm tạo dòng thu nhập đều đặn. Quỹ sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng gồm các tài sản có thu nhập cố định chủ yếu là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được bảo lãnh bởi Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao. Dựa trên nhận định của Công ty Quản lý Quỹ về tình hình kinh tế vĩ mô và xu hướng lãi suất, tài sản của quỹ sẽ được phân bổ nhằm đạt được mục tiêu của Quỹ.

#### Kỳ tính giá trị tài sản ròng ("NAV")

NAV của Quỹ phải được xác định hàng tuần vào Ngày Giao Dịch hoặc những ngày mà NAV của Quỹ được xác định cho mục đích báo cáo (tuần, tháng, quý, năm) hoặc các mục đích khác.

#### Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ

Tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ là định kỳ vào ngày thứ Ba, thứ Năm hàng tuần nếu ngày đó là ngày làm việc. Nếu ngày thứ Ba, thứ Năm không phải là ngày làm việc thì ngày giao dịch sẽ là ngày làm việc vào thứ Ba, thứ Năm tiếp theo.

#### Hạn chế đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được đa dạng hóa và đáp ứng được các điều kiện của Pháp Luật. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải bảo đảm tuân thủ các nguyên tắc và các hạn mức đầu tư sau:

- a. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- b. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) dưới đây của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ:
  - i. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c. Không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản dưới đây được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ. Trong đó phần đầu tư vào chứng khoán phái sinh tính bằng giá trị cam kết của hợp đồng xác định theo quy định tại phụ lục số 14 ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán:
  - i. Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
  - ii. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
  - iii. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

- iv. Cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành. Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- v. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ;
- d. Không được đầu tư quá 10% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tài sản là cổ phiếu chào bán lần đầu ra công chúng, trái phiếu chào bán ra công chúng; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành tối thiểu một (01) lần trong mười hai (12) tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành, Việc đầu tư vào các tài sản này phải được Ban Đại Diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện; và có đủ tài liệu chứng minh về bảo lãnh thanh toán hoặc tài liệu về cam kết mua lại của tổ chức phát hành;
- e. Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ;
- f. Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ VCBF - FIF;
- g. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
  - i. không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - ii. không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
  - iii. không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- h. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- i. Quỹ chỉ được đầu tư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bao gồm tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng và công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định pháp luật quy định phát hành bởi các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại Khoản (a), (b), (c), (d) và (g) nêu trên và chỉ do các nguyên nhân sau:

- a. Biến động giá trên thị trường của các tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
- b. Thực hiện các khoản thanh toán của quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
- c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
- d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng, tính từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh; hoặc

81180  
ÔNG T  
TNHH  
T & Y  
ỆT N  
HỒ HỒ

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

### 1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

#### Hạn chế đầu tư (tiếp theo)

e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.

Trong trường hợp xảy ra sai lệch so với các hạn mức đầu tư vì các lý do quy định tại điểm (a), (b), (c), (d) nêu trên, Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư để đáp ứng các hạn mức đầu tư như được quy định trong vòng 3 (ba) tháng kể từ ngày có sai lệch phát sinh.

Trong trường hợp sai lệch phát sinh vì Công ty Quản lý Quỹ không tuân thủ các hạn mức đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Quỹ hoặc Bản Cáo Bạch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát hiện ra sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi lợi nhuận đã có được cho Quỹ.

Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.

Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:

- (i) Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
- (ii) Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ Quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- (iii) Quỹ không được đầu tư quá 20% giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xác nhận.
- (iv) Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở được quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ("Thông tư 198") ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở, Thông tư số 98/2020/TT-BTC ("Thông tư 98") ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục do Bộ Tài chính ban hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc, ngoại trừ các khoản đầu tư được đo lường theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.4).



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 2.1. *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng* (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa, không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Theo Thông tư 198, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập
2. Báo cáo tình hình tài chính
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ
4. Báo cáo danh mục đầu tư
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
6. Thuyết minh báo cáo tài chính

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là Nhật ký Chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Quỹ là đồng Việt Nam ("VND").

### 2.5 *Cam kết tuân thủ*

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### 2.6 *Quy định mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực*

Ngày 29 tháng 12 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 136/2025/TT-BTC ("Thông tư 136") sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán. Thông tư 136 có hiệu lực từ ngày 12 tháng 2 năm 2026.

Công ty Quản lý Quỹ đang trong quá trình đánh giá tác động của Thông tư 136 đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Quỹ và sẽ áp dụng Thông tư 136 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Quỹ sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### 3.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ, tiền gửi của Nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ chờ phân bổ, tiền gửi phong tỏa và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có thời hạn đáo hạn không quá ba (3) tháng kể từ ngày gửi và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là mục đích khác.

### 3.4 Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư của Quỹ bao gồm các khoản đầu tư vào các trái phiếu niêm yết, trái phiếu chưa niêm yết, tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng và chứng chỉ tiền gửi.

#### *Nguyên tắc phân loại*

Quỹ phân loại chứng khoán niêm yết được mua với mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc chỉ bao gồm giá mua mà không bao gồm các chi phí liên quan phát sinh để có được các khoản đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi ngân hàng, giá mua chưa bao gồm lãi dự thu (giá sạch) được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư". Phần lãi dự thu chưa được thanh toán tính đến ngày mua được ghi nhận trên khoản mục "Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận" trên báo cáo tình hình tài chính.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

#### Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư được ghi nhận trên khoản mục “Các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc như sau:

- ▶ Chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ghi nhận theo giá trị hợp lý;
- ▶ Chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các tài sản khác được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản này.

Lợi nhuận thuần nhận được từ các khoản đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập.

Các khoản lãi lũy kế chưa thanh toán của các khoản tiền gửi, tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ nợ khác được ghi nhận tại khoản mục “Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư” trên báo cáo tình hình tài chính.

#### Định giá lại cho mục đích tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ

Các khoản đầu tư được đánh giá lại vào các ngày định giá theo giá trị hợp lý. Phương pháp đánh giá lại các khoản đầu tư được quy định trong Sổ tay Định giá được xây dựng phù hợp với phương pháp xác định giá trị tài sản quy định tại Điều lệ Quỹ và Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và được Ban Đại diện Quỹ và Ngân hàng Giám sát phê duyệt. Các khoản lãi hoặc lỗ do đánh giá lại khoản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo thu nhập theo quy định tại Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở.

#### Nguyên tắc định giá

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ</b>		
1.	Tiền (VNĐ)	Số dư tiền mặt tại ngày trước Ngày Định Giá.
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước Ngày Định Giá.
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Tiền gốc cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
4.	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá.
5.	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá thị trường là giá yết trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban Đại Diện Quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ (được chi tiết trong sổ tay định giá).

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**3.4 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Trái phiếu</b>		
6.	Trái phiếu niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá yết bình quân gia quyền (giá sạch) trên hệ thống giao dịch (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của giao dịch thông thường tại ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá cộng lãi lũy kế;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá; hoặc giá trái phiếu có biến động bất thường (được chi tiết trong sổ tay định giá), là một trong các mức giá sau:                         <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>+ Mệnh giá cộng lãi lũy kế.</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp trái phiếu hủy niêm yết để làm thủ tục đáo hạn, giá tính theo phương pháp mệnh giá cộng lãi lũy kế.</p>
7.	Trái phiếu không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá yết (giá sạch – clean price) (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>- Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc</li> <li>- Mệnh giá cộng lãi lũy kế;</li> </ul> <p>Trường hợp trái phiếu chính phủ/ trái phiếu chính phủ bảo lãnh/ trái phiếu chính quyền địa phương đấu thầu đang chờ niêm yết, giá tính theo phương pháp giá mua cộng lãi lũy kế.</p>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG** (tiếp theo)

**3.4 Các khoản đầu tư** (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá* (tiếp theo)

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu</b>		
8.	Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá); hoặc không có giao dịch nào từ ngày có quyết định niêm yết đến Ngày Định Giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách;</li> </ul> </li> </ul> <p>Trong thời gian chứng khoán đang làm thủ tục chuyển sàn thì dùng giá của ngày có giao dịch gần nhất trên sàn cũ.</p>
9.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>- Giá trị sổ sách; hoặc</li> <li>- Mệnh giá.</li> </ul>
10.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	<p>Là một trong các mức giá sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% (tám mươi phần trăm) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước Ngày Định Giá; hoặc</li> <li>- Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>
11.	Cổ phần, phần vốn góp khác	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá dựa trên báo giá của 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan của Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát.</li> <li>- Trường hợp không có đủ báo giá của ba (03) tổ chức báo giá, sử dụng một trong các phương pháp sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận (được chi tiết trong sổ tay định giá); hoặc</li> <li>+ Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc</li> <li>+ Giá trị sổ sách.</li> </ul> </li> </ul>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**

**3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)**

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Cổ phiếu (tiếp theo)</b>		
12.	Quyền mua cổ phiếu	Giá trị quyền mua = Max {0; (Giá cổ phiếu – giá phát hành cổ phiếu mới) x tỷ lệ thực hiện quyền}; Trong đó: Tỷ lệ thực hiện quyền = Số cổ phiếu được mua / Số lượng quyền mua sở hữu
<b>Chứng khoán phái sinh</b>		
13.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác theo quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá)	Giá xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá.
<b>Các tài sản khác</b>		
15.	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá.</li> <li>- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến Ngày Định Giá (không tính bao gồm Ngày Định Giá), ưu tiên thực hiện theo thứ tự từ trên xuống một trong các mức giá sau:                             <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>+ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận</li> </ul> </li> </ul>
16	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Giá thị trường là giá NAV/đơn vị quỹ của quỹ đại chúng được công bố bởi công ty quản lý quỹ đại chúng đó tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất trước Ngày Định Giá;</li> <li>- Trong trường hợp không xác định được giá NAV, mức giá được xác định theo phương pháp khác đã được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận.</li> </ul>



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

#### 3.4 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

*Nguyên tắc định giá (tiếp theo)*

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
<b>Các tài sản khác (tiếp theo)</b>		
17	Các tài sản được phép đầu tư khác	<ul style="list-style-type: none"><li>- Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá do các tổ chức báo giá cung cấp.</li><li>- Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo phương pháp được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận được nêu chi tiết trong sổ tay định giá</li></ul>

#### *Chấm dứt ghi nhận*

Các khoản đầu tư chứng khoán được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quý đã không còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/lỗ từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại ngày giao dịch.

#### 3.5 Giá trị tài sản ròng và giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ

Giá trị tài sản ròng của Quý tại ngày định giá được xác định bằng tổng giá trị các tài sản do Quý sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả có liên quan (như giá dịch vụ quản lý, giá dịch vụ giám sát, giá dịch vụ lưu ký, giá dịch vụ quản trị quỹ, giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và các khoản phải trả khác) tính đến ngày trước ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quý chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và được làm tròn xuống đến hai (2) số thập phân.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.6 Các giao dịch về vốn và thặng dư vốn

#### 3.6.1 Vốn chủ sở hữu

Các chứng chỉ quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp mua lại.

Vốn góp phát hành phản ánh số vốn nhà đầu tư góp ban đầu và góp bổ sung. Khi Công ty Quản lý Quỹ nhận được kết quả giải tỏa phong tỏa về số tiền thu hợp lệ khoản góp vốn đầu tư và kết quả xác nhận vốn góp nhà đầu tư hợp lệ của đại lý chuyển nhượng (trường hợp phát hành lần đầu); giấy báo có của Ngân hàng Giám sát kèm bảng phân bổ tiền thu bán chứng chỉ quỹ về số tiền thu hợp lệ của các nhà đầu tư (trường hợp phát hành các lần tiếp theo), Công ty Quản lý Quỹ sử dụng để làm căn cứ ghi nhận vốn góp phát hành.

Vốn góp mua lại phản ánh việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Căn cứ vào xác nhận của đại lý chuyển nhượng kèm bảng tổng hợp các lệnh mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ ghi nhận vốn góp mua lại.

Chênh lệch giữa vốn góp phát hành và vốn góp mua lại chính là vốn góp của nhà đầu tư.

Thặng dư vốn bao gồm: thặng dư vốn phát hành và thặng dư vốn mua lại.

- ▶ Thặng dư vốn phát hành là chênh lệch giữa giá phát hành chứng chỉ quỹ và mệnh giá.
- ▶ Thặng dư vốn mua lại là chênh lệch giữa giá mua lại chứng chỉ quỹ và mệnh giá.

#### 3.6.2 Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/lỗ chưa phân phối tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu với tổng các khoản chi phí của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Lợi nhuận chưa thực hiện là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi và lỗ đánh giá lại của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ lũy kế phát sinh trong năm.

Cuối năm tài chính, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong năm và ghi nhận vào "*Lợi nhuận chưa phân phối*".

#### 3.6.3 Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho nhà đầu tư

Khoản mục này phản ánh số lợi nhuận/tài sản đã phân phối trong năm cho nhà đầu tư và việc kết chuyển số lợi nhuận đã phân phối sang tài khoản "*Lợi nhuận chưa phân phối*" vào cuối năm.

Quỹ mở ghi nhận lợi nhuận/tài sản phân phối cho nhà đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, Quyết định của Ban Đại diện Quỹ được ủy quyền (ở kỳ gần nhất), phù hợp với Điều lệ của Quỹ mở và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.7 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ bán các khoản đầu tư, cổ tức, tiền lãi từ các khoản đầu tư và các khoản phải thu khác.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Mức trích lập dự phòng được thực hiện như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

### 3.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc của các khoản phải trả cho hoạt động phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ, phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ và Ngân hàng Giám sát và các khoản phải trả khác.

### 3.9 Các khoản chi phí

Các khoản chi phí được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Quỹ phát sinh một số chi phí chủ yếu như sau:

#### 3.9.1 Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng

Giá dịch vụ quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng bao gồm Giá dịch vụ quản lý quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính. Trong mọi trường hợp, tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ, Giá dịch vụ quản trị quỹ, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng và Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ không được vượt quá hạn mức theo quy định của pháp luật.

##### (i) Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ hàng năm tối đa sẽ là 0,9% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ, được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Công ty Quản lý Quỹ. Mức giá dịch vụ quản lý quỹ cụ thể sẽ được VCBF công bố tùy theo từng thời điểm trên website của Công ty.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.1 Giá dịch vụ quản lý danh mục đầu tư đại chúng (tiếp theo)

##### (ii) Giá dịch vụ quản trị quỹ

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ.

##### (iii) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với Đại Lý Chuyển Nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Phù hợp với quy định pháp luật, Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng có thể được thay đổi theo thỏa thuận giữa Công ty quản lý quỹ và Đại lý chuyển nhượng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho đại lý chuyển nhượng

##### (iv) Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quỹ là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

#### 3.9.2 Giá dịch vụ giám sát

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 2 lần/tuần, Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là Bốn điểm cơ bản (0,04%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.9 Các khoản chi phí (tiếp theo)

#### 3.9.3 Giá dịch vụ lưu ký

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ lưu ký là Ba điểm cơ bản (0,03%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

#### 3.9.4 Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán

Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ (hai trăm hai mươi nghìn đồng)/ trên mỗi giao dịch. Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)

### 3.10 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Quỹ có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

#### *Cổ tức*

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản cổ tức của Quỹ với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

Nhận cổ tức bằng cổ phiếu, Quỹ chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu được nhận.

#### *Tiền lãi (bao gồm lãi tiền gửi, lãi chứng chỉ tiền gửi và lãi trái phiếu)*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

#### *Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán đã được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát (đối với chứng khoán đã niêm yết) và khi hoàn tất hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.11 Thuế

Theo các quy định hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không phải trả thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

#### *Giao dịch trả cổ tức cho nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Công ty Quản lý Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ Tài chính, Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư và Thông tư 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 do Bộ Tài chính ban hành ("Thông tư 25").

Theo đó, khi Quỹ trả cổ tức cho các nhà đầu tư là tổ chức, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

#### *Giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ cũng có nghĩa vụ khấu trừ và nộp thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối. Mức thuế áp dụng là thuế cho việc chuyển nhượng chứng khoán bằng 0,1% trên giá trị chuyển nhượng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013, Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014, Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 và các thông tư sửa đổi, bổ sung do Bộ Tài chính ban hành.

Công ty Quản lý Quỹ không giữ lại tiền thuế đối với giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước do đó tổ chức trong nước tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch mua lại này.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.12 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được xem là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không chỉ là hình thức pháp lý.

### 3.13 Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

Các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính theo định nghĩa trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở trình bày trong thuyết minh tương ứng của báo cáo tài chính này.

### 3.14 Công cụ tài chính

*Công cụ tài chính - Ghi nhận ban đầu và trình bày*

#### Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Quỹ quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua, không bao gồm các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Quỹ bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, chứng khoán niêm yết, chưa niêm yết và các khoản đầu tư khác, các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư, trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi và các khoản phải thu khác.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, hoặc các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Quỹ xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Quỹ bao gồm các khoản phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ, phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở và các khoản phải trả, phải nộp khác.

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

### 3.14 Công cụ tài chính (tiếp theo)

*Công cụ tài chính - Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại, Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Quỹ sử dụng phương pháp và các giả định như tại *Thuyết minh* 22 để ước tính giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

*Bù trừ các công cụ tài chính*

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu, và chỉ nếu, Quỹ có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

### 3.15 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15 tháng 11 năm 2012 về Chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

## 4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của Quỹ mở	10.561.799.136	483.153.364
Tiền gửi của nhà đầu tư về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	1.786.735.501	8.273.251.823
Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng	43.817.906.849	110.390.246.368
	<b><u>56.166.441.486</u></b>	<b><u>119.146.651.555</u></b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Chênh lệch đánh giá lại				Giá trị đánh giá lại VNĐ
	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VNĐ	Chênh lệch tăng VNĐ	Chênh lệch giảm VNĐ	Chênh lệch tăng/(giảm) thuần VNĐ	
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2025</b>					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết (a)	282.655.930.020	400.844.539	(3.500.525.645)	(3.099.681.106)	279.556.248.914
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (b)	58.962.290.434	-	(704.060.214)	(704.060.214)	58.258.230.220
Chứng chỉ tiền gửi	180.001.723.781	-	-	-	180.001.723.781
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	37.598.218.622	-	-	-	37.598.218.622
	<b>559.218.162.857</b>	<b>400.844.539</b>	<b>(4.204.585.859)</b>	<b>(3.803.741.320)</b>	<b>555.414.421.537</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>					
Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết	201.029.840.534	822.544.079	(278.620.005)	543.924.074	201.573.764.608
Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	31.962.290.434	-	(50.605.634)	(50.605.634)	31.911.684.800
Chứng chỉ tiền gửi	22.000.000.000	-	-	-	22.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	8.028.536.986	-	-	-	8.028.536.986
	<b>263.020.667.954</b>	<b>822.544.079</b>	<b>(329.225.639)</b>	<b>493.318.440</b>	<b>263.513.986.394</b>
				<b>(4.297.059.760)</b>	

Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập

- (a) Trái phiếu do Công ty Cổ phần Vinhomes, Công ty Cổ phần Masan Meatlife, Công ty cổ phần đầu tư và thương mại TNG, Công ty cổ phần tập đoàn Masan Group, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Công ty cổ phần chứng khoán DNSE, kỳ hạn từ 2 đến 10 năm, lãi suất từ 6,68%/năm đến 10,00%/năm, lãi trả 3 tháng/lần, 6 tháng/lần hoặc 12 tháng/lần.
- (b) Trái phiếu do Tập đoàn đầu tư phát triển công nghiệp Becamex, Công ty cổ phần Chứng khoán Rồng Việt, Công ty cổ phần đầu tư Nam Long và Công ty cổ phần Phát triển nhà Bà Rịa - Vũng Tàu phát hành, kỳ hạn từ 1 đến 3 năm, lãi suất từ 8,20%/năm đến 11,00%/năm, lãi trả từ 1 tháng/lần hoặc 6 tháng/lần.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**6. DỰ THU CỔ TỨC, TIỀN LÃI CHƯA ĐẾN NGÀY NHẬN**

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Dự thu tiền lãi từ trái phiếu	6.980.516.850	6.817.235.053
Dự thu tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	2.288.136.986	426.578.082
Dự thu tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	1.002.661.914	206.521.603
	<b><u>10.271.315.750</u></b>	<b><u>7.450.334.738</u></b>

**7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Thù lao Ban đại diện quỹ	27.000.000	27.000.000
Phí kiểm toán	74.520.000	-
	<b><u>101.520.000</u></b>	<b><u>27.000.000</u></b>

**8. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ PHÁT HÀNH CHỨNG CHỈ QUỸ**

Là khoản tiền nhà đầu tư nộp mua chứng chỉ quỹ đang chờ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính.

**9. PHẢI TRẢ CHO NHÀ ĐẦU TƯ VỀ MUA LẠI CHỨNG CHỈ QUỸ**

Là khoản tiền đang chờ hoàn thành thủ tục thanh toán cho nhà đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**10. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ MỞ**

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	263.909.648	62.095.573
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000
Phải trả dịch vụ giám sát	23.224.050	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.834.579	11.000.000
Phải trả dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	11.000.000	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	440.000	220.000
	<b>351.808.277</b>	<b>139.315.573</b>

**11. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	Số dư đầu năm VNĐ	Phát sinh trong năm VNĐ	Số dư cuối năm VNĐ
<b>Vốn góp phát hành</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	39.109.676,32	36.578.748,93	75.688.425,25
Giá trị ghi theo mệnh giá	391.096.763.200	365.787.489.300	756.884.252.500
Thặng dư vốn	113.522.633.257	179.317.284.161	292.839.917.418
Tổng giá trị phát hành chứng chỉ quỹ	504.619.396.457	545.104.773.461	1.049.724.169.918
<b>Vốn góp mua lại</b>			
Số lượng ( <i>chứng chỉ quỹ</i> )	(12.416.144,70)	(22.741.911,63)	(35.158.056,33)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(124.161.447.000)	(227.419.116.300)	(351.580.563.300)
Thặng dư vốn	(38.423.679.992)	(113.703.449.487)	(152.127.129.479)
Tổng giá trị mua lại chứng chỉ quỹ	(162.585.126.992)	(341.122.565.787)	(503.707.692.779)
<b>Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành</b>	<b>26.693.531,62</b>	<b>13.836.837,30</b>	<b>40.530.368,92</b>
<b>Giá trị vốn góp hiện hành</b>	<b>342.034.269.465</b>	<b>203.982.207.674</b>	<b>546.016.477.139</b>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>	<b>44.046.044.695</b>	<b>28.961.881.037</b>	<b>73.007.925.732</b>
<b>Giá trị tài sản ròng của Quỹ</b>	<b>386.080.314.160</b>		<b>619.024.402.871</b>
<b>Giá trị tài sản ròng quỹ mở trên 1 chứng chỉ quỹ</b>	<b>14.463,44</b>		<b>15.273,10</b>

**12. LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Lợi nhuận đã thực hiện	76.811.667.052	43.552.726.255
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(3.803.741.320)	493.318.440
	<b>73.007.925.732</b>	<b>44.046.044.695</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**13. TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Tiền lãi từ trái phiếu	24.866.730.467	18.447.074.220
Tiền lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	8.141.656.966	2.081.530.784
Tiền lãi từ chứng chỉ tiền gửi	3.839.402.740	426.578.082
Tiền lãi từ tiền gửi không kỳ hạn	14.359.906	7.270.878
	<b>36.862.150.079</b>	<b>20.962.453.964</b>

**14. LÃI/(LỖ) BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm nay		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lãi bán chứng khoán trong năm VNĐ
Trái phiếu niêm yết	155.314.300.000	154.807.573.882	506.726.118
Chứng chỉ tiền gửi	102.000.000.000	102.000.000.000	-
	<b>257.314.300.000</b>	<b>256.807.573.882</b>	<b>506.726.118</b>
	Năm trước		
	Tổng giá trị bán trong năm VNĐ	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VNĐ	Lỗ bán chứng khoán trong năm VNĐ
Trái phiếu niêm yết	44.649.400.000	44.955.041.120	(305.641.120)
Trái phiếu chưa niêm yết	10.000.000.000	10.000.000.000	-
	<b>54.649.400.000</b>	<b>54.955.041.120</b>	<b>(305.641.120)</b>

**15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ**

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư	40.174.743	31.148.403
	<b>40.174.743</b>	<b>31.148.403</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

15. CHI PHÍ GIAO DỊCH MUA, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

Trong năm 2025, giao dịch của Quỹ thực hiện qua các công ty chứng khoán sau:

STT (1)	Tên công ty chứng khoán (2)	Quan hệ với Công ty Quản lý Quỹ (3)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua từng công ty chứng khoán			Phí giao dịch bình quân trên thị trường (%) (8)
			Giá trị giao dịch trong năm của Quỹ VNĐ (4)	Tổng giá trị giao dịch trong năm của Quỹ (*) VNĐ (5)	Tỷ lệ giao dịch của Quỹ qua công ty chứng khoán trong năm (%) (6)=(4)/(5)	
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap	Không liên quan	42.789.923.650	548.189.221.139	7,81	0,00 - 0,45
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT	Không liên quan	63.912.988.495	548.189.221.139	11,66	0,00 - 0,45
3	Công ty TNHH chứng khoán Ngân Hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Có liên quan	22.238.881.390	548.189.221.139	4,06	0,00 - 0,45
4	Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	Không liên quan	70.713.544.215	548.189.221.139	12,90	0,00 - 0,45
5	Công ty Cổ phần Chứng khoán ASAM	Không liên quan	35.017.530.000	548.189.221.139	6,39	0,00 - 0,45
6	Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tu và Phát triển Việt Nam	Không liên quan	6.114.711.800	548.189.221.139	1,11	0,00 - 0,45
7	Giao dịch Chứng khoán không niêm yết	Không liên quan	307.401.641.589	548.189.221.139	56,07	Không áp dụng
	<b>Tổng</b>		<b>548.189.221.139</b>		<b>100,00</b>	

(\*) Giao dịch chứng khoán không niêm yết bao gồm trái phiếu chưa niêm yết, chứng chỉ tiền gửi và giao dịch ngoài sàn.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

16. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI SẢN QUỸ MỞ

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	166.272.175	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	44.638.000	12.100.000
Giá dịch vụ lưu ký cho chứng khoán cơ sở phải trả cho Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam	4.631.831	2.810.719
	<b>215.542.006</b>	<b>146.910.719</b>

17. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm nay</i> <i>VNĐ</i>	<i>Năm trước</i> <i>VNĐ</i>
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	120.000.000	120.000.000
Phí ngân hàng	11.396.530	12.342.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	7.500.000	7.500.000
Chi phí khác	-	110.000
	<b>138.896.530</b>	<b>139.952.000</b>



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2024</b>	<b>386.080.314.160</b>	<b>26.693.531,62</b>	<b>14.463,44</b>	
Kỳ 1 Tháng 1/2025	386.152.672.831	26.693.531,62	14.466,15	2,71
Kỳ 2 Tháng 1/2025	388.139.257.197	26.862.028,65	14.449,36	(16,79)
Kỳ 3 Tháng 1/2025	396.134.194.396	27.320.620,88	14.499,45	50,09
Kỳ 4 Tháng 1/2025	394.308.996.114	27.260.739,74	14.464,35	(35,10)
Kỳ 5 Tháng 1/2025	392.425.741.169	27.117.573,58	14.471,27	6,92
Kỳ 6 Tháng 1/2025	393.584.114.922	27.170.937,18	14.485,48	14,21
Kỳ 7 Tháng 1/2025	395.762.349.095	27.318.064,66	14.487,20	1,72
Kỳ 8 Tháng 1/2025	399.864.238.533	27.458.110,79	14.562,70	75,50
<b>Kỳ cuối Tháng 1/2025</b>	<b>400.001.366.281</b>	<b>27.458.110,79</b>	<b>14.567,69</b>	<b>4,99</b>
Kỳ 1 Tháng 2/2025	401.446.861.450	27.458.110,79	14.620,33	52,64
Kỳ 2 Tháng 2/2025	403.930.682.566	27.686.074,26	14.589,66	(30,67)
Kỳ 3 Tháng 2/2025	407.032.512.229	27.854.758,85	14.612,67	23,01
Kỳ 4 Tháng 2/2025	410.112.917.613	28.113.812,47	14.587,59	(25,08)
Kỳ 5 Tháng 2/2025	413.503.839.240	28.308.344,80	14.607,13	19,54
Kỳ 6 Tháng 2/2025	414.738.052.912	28.463.761,22	14.570,73	(36,40)
Kỳ 7 Tháng 2/2025	420.407.742.440	28.799.592,75	14.597,69	26,96
Kỳ 8 Tháng 2/2025	423.458.495.854	29.041.894,10	14.580,95	(16,74)
<b>Kỳ cuối Tháng 2/2025</b>	<b>427.609.047.141</b>	<b>29.241.350,21</b>	<b>14.623,43</b>	<b>42,48</b>
Kỳ 1 Tháng 3/2025	426.783.409.899	29.241.350,21	14.595,20	(28,23)
Kỳ 2 Tháng 3/2025	428.592.686.438	29.254.817,97	14.650,32	55,12
Kỳ 3 Tháng 3/2025	434.540.517.435	29.682.673,91	14.639,53	(10,79)
Kỳ 4 Tháng 3/2025	437.854.786.400	29.853.482,33	14.666,79	27,26
Kỳ 5 Tháng 3/2025	443.347.478.317	30.275.818,59	14.643,61	(23,18)
Kỳ 6 Tháng 3/2025	447.707.017.677	30.462.306,08	14.697,08	53,47
Kỳ 7 Tháng 3/2025	451.392.516.120	30.670.421,38	14.717,51	20,43

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 8 Tháng 3/2025	455.931.733.683	31.017.261,27	14.699,29	(18,22)
<b>Kỳ cuối Tháng 3/2025</b>	<b>457.468.856.713</b>	<b>31.075.697,64</b>	<b>14.721,11</b>	<b>21,82</b>
Kỳ 1 Tháng 4/2025	457.060.254.421	31.023.371,33	14.732,77	11,66
Kỳ 2 Tháng 4/2025	457.864.643.530	31.064.889,47	14.738,97	6,20
Kỳ 3 Tháng 4/2025	454.598.520.582	30.939.838,69	14.692,98	(45,99)
Kỳ 4 Tháng 4/2025	475.232.188.648	32.263.056,34	14.729,91	36,93
Kỳ 5 Tháng 4/2025	491.065.203.784	33.455.684,81	14.678,07	(51,84)
Kỳ 6 Tháng 4/2025	494.432.928.168	33.573.269,98	14.726,98	48,91
Kỳ 7 Tháng 4/2025	495.890.424.588	33.674.251,99	14.726,10	(0,88)
Kỳ 8 Tháng 4/2025	496.854.827.209	33.736.848,20	14.727,36	1,26
<b>Kỳ cuối Tháng 4/2025</b>	<b>500.936.768.057</b>	<b>33.998.129,83</b>	<b>14.734,24</b>	<b>6,88</b>
Kỳ 1 Tháng 5/2025	502.290.214.357	33.998.129,83	14.774,05	39,81
Kỳ 2 Tháng 5/2025	499.925.021.139	33.852.114,81	14.767,91	(6,14)
Kỳ 3 Tháng 5/2025	502.915.643.801	34.021.849,85	14.782,13	14,22
Kỳ 4 Tháng 5/2025	509.727.332.053	34.464.174,59	14.790,06	7,93
Kỳ 5 Tháng 5/2025	510.542.435.451	34.493.149,82	14.801,27	11,21
Kỳ 6 Tháng 5/2025	512.742.262.525	34.650.191,48	14.797,67	(3,60)
Kỳ 7 Tháng 5/2025	516.807.994.254	34.850.617,66	14.829,23	31,56
Kỳ 8 Tháng 5/2025	520.917.562.280	35.144.145,85	14.822,31	(6,92)
<b>Kỳ cuối Tháng 5/2025</b>	<b>523.731.708.170</b>	<b>35.358.199,33</b>	<b>14.812,17</b>	<b>(10,14)</b>
Kỳ 1 Tháng 6/2025	525.324.558.295	35.358.199,33	14.857,22	45,05
Kỳ 2 Tháng 6/2025	530.661.779.986	35.671.768,16	14.876,23	19,01
Kỳ 3 Tháng 6/2025	535.267.571.848	35.957.899,26	14.885,95	9,72
Kỳ 4 Tháng 6/2025	538.939.753.118	36.327.033,92	14.835,77	(50,18)
Kỳ 5 Tháng 6/2025	541.980.001.339	36.491.617,83	14.852,17	16,40

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 6 Tháng 6/2025	551.771.043.263	37.179.206,06	14.840,85	(11,32)
Kỳ 7 Tháng 6/2025	555.772.016.203	37.316.613,64	14.893,42	52,57
Kỳ 8 Tháng 6/2025	572.828.873.315	38.496.709,98	14.879,94	(13,48)
<b>Kỳ cuối Tháng 6/2025</b>	<b>580.606.367.160</b>	<b>38.982.944,63</b>	<b>14.893,85</b>	<b>13,91</b>
Kỳ 1 Tháng 7/2025	582.793.313.702	39.073.501,21	14.915,30	21,45
Kỳ 2 Tháng 7/2025	584.990.147.199	39.206.841,92	14.920,61	5,31
Kỳ 3 Tháng 7/2025	583.761.244.398	39.096.401,22	14.931,32	10,71
Kỳ 4 Tháng 7/2025	583.741.580.933	39.037.541,85	14.953,33	22,01
Kỳ 5 Tháng 7/2025	587.906.646.308	39.260.431,42	14.974,53	21,20
Kỳ 6 Tháng 7/2025	590.191.451.408	39.392.241,37	14.982,42	7,89
Kỳ 7 Tháng 7/2025	596.362.109.845	39.843.669,02	14.967,55	(14,87)
Kỳ 8 Tháng 7/2025	612.665.336.386	40.910.689,41	14.975,67	8,12
Kỳ 9 Tháng 7/2025	615.278.493.083	41.042.262,27	14.991,33	15,66
<b>Kỳ cuối Tháng 7/2025</b>	<b>613.073.789.546</b>	<b>40.951.837,39</b>	<b>14.970,60</b>	<b>(20,73)</b>
Kỳ 1 Tháng 8/2025	612.379.363.314	40.951.837,39	14.953,64	(16,96)
Kỳ 2 Tháng 8/2025	619.363.335.458	41.274.689,88	15.005,88	52,24
Kỳ 3 Tháng 8/2025	623.812.608.747	41.508.223,03	15.028,65	22,77
Kỳ 4 Tháng 8/2025	621.785.395.368	41.353.028,82	15.036,03	7,38
Kỳ 5 Tháng 8/2025	629.893.651.282	41.870.948,53	15.043,69	7,66
Kỳ 6 Tháng 8/2025	633.449.861.713	42.134.279,92	15.034,07	(9,62)
Kỳ 7 Tháng 8/2025	634.896.932.793	42.167.282,10	15.056,62	22,55
Kỳ 8 Tháng 8/2025	635.459.262.420	42.230.385,50	15.047,44	(9,18)
<b>Kỳ cuối Tháng 8/2025</b>	<b>641.460.382.888</b>	<b>42.569.467,77</b>	<b>15.068,55</b>	<b>21,11</b>
Kỳ 1 Tháng 9/2025	641.948.994.170	42.569.467,77	15.080,03	11,48
Kỳ 2 Tháng 9/2025	647.020.923.961	42.806.197,65	15.115,12	35,09
Kỳ 3 Tháng 9/2025	606.368.099.118	40.097.253,11	15.122,43	7,31
Kỳ 4 Tháng 9/2025	608.531.132.589	40.279.442,30	15.107,73	(14,70)
Kỳ 5 Tháng 9/2025	615.669.608.189	40.701.597,97	15.126,42	18,69

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị NAV tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 6 Tháng 9/2025	617.439.195.178	40.786.565,84	15.138,29	11,87
Kỳ 7 Tháng 9/2025	617.870.054.117	40.808.233,14	15.140,81	2,52
Kỳ 8 Tháng 9/2025	618.827.276.623	40.868.560,02	15.141,89	1,08
<b>Kỳ cuối Tháng 9/2025</b>	<b>614.856.969.225</b>	<b>40.576.182,57</b>	<b>15.153,14</b>	<b>11,25</b>
Kỳ 1 Tháng 10/2025	616.350.886.757	40.576.182,57	15.189,96	36,82
Kỳ 2 Tháng 10/2025	618.385.876.272	40.676.137,69	15.202,66	12,70
Kỳ 3 Tháng 10/2025	618.257.536.609	40.664.184,04	15.203,98	1,32
Kỳ 4 Tháng 10/2025	613.858.596.895	40.409.322,96	15.191,01	(12,97)
Kỳ 5 Tháng 10/2025	615.998.752.030	40.542.578,97	15.193,87	2,86
Kỳ 6 Tháng 10/2025	616.535.762.977	40.584.610,20	15.191,36	(2,51)
Kỳ 7 Tháng 10/2025	611.534.540.866	40.149.141,86	15.231,57	40,21
Kỳ 8 Tháng 10/2025	609.183.811.946	40.075.361,32	15.200,95	(30,62)
Kỳ 9 Tháng 10/2025	610.621.523.587	40.111.442,40	15.223,12	22,17
<b>Kỳ cuối Tháng 10/2025</b>	<b>611.090.236.602</b>	<b>40.208.418,82</b>	<b>15.198,06</b>	<b>(25,06)</b>
Kỳ 1 Tháng 11/2025	608.903.468.714	40.208.418,82	15.143,68	(54,38)
Kỳ 2 Tháng 11/2025	613.419.416.751	40.162.085,93	15.273,59	129,91
Kỳ 3 Tháng 11/2025	613.458.559.143	40.227.256,44	15.249,82	(23,77)
Kỳ 4 Tháng 11/2025	609.137.377.499	40.026.472,81	15.218,36	(31,46)
Kỳ 5 Tháng 11/2025	615.517.651.166	40.266.486,92	15.286,10	67,74

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 6 Tháng 11/2025	616.974.276.404	40.292.984,07	15.312,20	26,10
Kỳ 7 Tháng 11/2025	618.915.378.794	40.463.525,75	15.295,63	(16,57)
Kỳ 8 Tháng 11/2025	619.228.334.095	40.522.780,04	15.280,99	(14,64)
<b>Kỳ cuối Tháng 11/2025</b>	<b>622.135.906.906</b>	<b>40.614.443,96</b>	<b>15.318,09</b>	<b>37,10</b>
Kỳ 1 Tháng 12/2025	621.767.305.353	40.614.443,96	15.309,01	(9,08)
Kỳ 2 Tháng 12/2025	618.025.703.076	40.391.506,38	15.300,88	(8,13)
Kỳ 3 Tháng 12/2025	619.513.769.353	40.540.830,93	15.281,23	(19,65)
Kỳ 4 Tháng 12/2025	621.612.723.586	40.586.056,64	15.315,91	34,68
Kỳ 5 Tháng 12/2025	622.541.487.925	40.642.277,41	15.317,58	1,67
Kỳ 6 Tháng 12/2025	626.105.594.254	40.572.609,84	15.431,73	114,15
Kỳ 7 Tháng 12/2025	621.138.013.197	40.561.141,66	15.313,62	(118,11)
Kỳ 8 Tháng 12/2025	622.189.134.939	40.576.266,98	15.333,81	20,19
Kỳ 9 Tháng 12/2025	622.487.976.715	40.563.726,30	15.345,92	12,11
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2025</b>	<b>619.024.402.871</b>	<b>40.530.368,92</b>	<b>15.273,10</b>	<b>(72,82)</b>
Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm	<b>541.492.238.260</b>			

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm

541.492.238.260

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

129,91

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

(0,88)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2023</b>	<b>143.304.007.478</b>	<b>10.639.576,72</b>	<b>13.468,95</b>	
Kỳ 1 Tháng 1/2024	143.329.072.080	10.639.576,72	13.471,31	2,36
Kỳ 2 Tháng 1/2024	142.205.404.292	10.531.090,73	13.503,38	32,07
Kỳ 3 Tháng 1/2024	153.624.598.212	11.384.395,15	13.494,31	(9,07)
Kỳ 4 Tháng 1/2024	159.937.355.834	11.874.086,69	13.469,44	(24,87)
Kỳ 5 Tháng 1/2024	161.347.732.612	11.957.703,51	13.493,20	23,76
Kỳ 6 Tháng 1/2024	163.315.434.799	12.086.382,05	13.512,35	19,15
Kỳ 7 Tháng 1/2024	164.582.930.413	12.172.608,42	13.520,76	8,41
Kỳ 8 Tháng 1/2024	169.806.454.606	12.581.320,78	13.496,71	(24,05)
Kỳ 9 Tháng 1/2024	172.091.186.629	12.729.998,01	13.518,55	21,84
<b>Kỳ cuối Tháng 1/2024</b>	<b>173.090.682.886</b>	<b>12.803.087,18</b>	<b>13.519,44</b>	<b>0,89</b>
Kỳ 1 Tháng 2/2024	174.412.779.061	12.883.553,94	13.537,62	18,18
Kỳ 2 Tháng 2/2024	178.731.223.125	13.158.143,72	13.583,31	45,69
Kỳ 3 Tháng 2/2024	177.672.127.180	13.077.628,34	13.585,95	2,64
Kỳ 4 Tháng 2/2024	180.280.396.399	13.232.617,79	13.623,94	37,99
Kỳ 5 Tháng 2/2024	181.548.358.709	13.357.110,86	13.591,88	(32,06)
Kỳ 6 Tháng 2/2024	186.795.846.898	13.711.503,39	13.623,29	31,41
<b>Kỳ cuối Tháng 2/2024</b>	<b>188.632.479.169</b>	<b>13.812.003,98</b>	<b>13.657,14</b>	<b>33,85</b>
Kỳ 1 Tháng 3/2024	188.727.605.183	13.812.003,98	13.664,02	6,88
Kỳ 2 Tháng 3/2024	189.065.461.185	13.839.726,94	13.661,06	(2,96)
Kỳ 3 Tháng 3/2024	190.688.422.754	13.911.667,83	13.707,08	46,02
Kỳ 4 Tháng 3/2024	201.314.746.574	14.679.630,93	13.713,88	6,80
Kỳ 5 Tháng 3/2024	206.236.854.206	14.994.921,58	13.753,78	39,90
Kỳ 6 Tháng 3/2024	208.236.760.926	15.206.153,93	13.694,24	(59,54)
Kỳ 7 Tháng 3/2024	216.594.459.794	15.757.431,60	13.745,54	51,30
Kỳ 8 Tháng 3/2024	221.692.881.574	16.122.443,81	13.750,57	5,03
<b>Kỳ cuối Tháng 3/2024</b>	<b>224.155.059.807</b>	<b>16.302.552,34</b>	<b>13.749,69</b>	<b>(0,88)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 4/2024	224.197.346.014	16.302.552,34	13.752,28	2,59
Kỳ 2 Tháng 4/2024	224.844.016.055	16.374.699,06	13.731,18	(21,10)
Kỳ 3 Tháng 4/2024	224.453.336.778	16.287.614,26	13.780,61	49,43
Kỳ 4 Tháng 4/2024	226.806.538.806	16.453.841,60	13.784,41	3,80
Kỳ 5 Tháng 4/2024	229.640.055.585	16.594.809,04	13.838,06	53,65
Kỳ 6 Tháng 4/2024	231.682.600.737	16.737.253,34	13.842,33	4,27
Kỳ 7 Tháng 4/2024	232.263.054.712	16.772.051,97	13.848,21	5,88
<b>Kỳ cuối Tháng 4/2024</b>	<b>234.814.178.658</b>	<b>16.883.618,09</b>	<b>13.907,81</b>	<b>59,60</b>
Kỳ 1 Tháng 5/2024	234.862.272.799	16.883.618,09	13.910,66	2,85
Kỳ 2 Tháng 5/2024	238.894.159.692	17.153.728,89	13.926,66	16,00
Kỳ 3 Tháng 5/2024	245.188.146.714	17.623.970,71	13.912,19	(14,47)
Kỳ 4 Tháng 5/2024	248.306.432.382	17.840.673,38	13.917,99	5,80
Kỳ 5 Tháng 5/2024	250.781.833.323	18.086.561,01	13.865,64	(52,35)
Kỳ 6 Tháng 5/2024	253.502.328.691	18.282.543,58	13.865,81	0,17
Kỳ 7 Tháng 5/2024	256.314.846.551	18.468.254,07	13.878,67	12,86
Kỳ 8 Tháng 5/2024	258.690.258.697	18.550.176,62	13.945,43	66,76
Kỳ 9 Tháng 5/2024	260.497.825.340	18.734.843,72	13.904,45	(40,98)
<b>Kỳ cuối Tháng 5/2024</b>	<b>263.421.672.948</b>	<b>18.950.279,41</b>	<b>13.900,67</b>	<b>(3,78)</b>
Kỳ 1 Tháng 6/2024	263.887.679.089	18.950.279,41	13.925,26	24,59
Kỳ 2 Tháng 6/2024	264.308.840.742	18.992.108,24	13.916,77	(8,49)
Kỳ 3 Tháng 6/2024	265.733.555.716	19.010.986,62	13.977,89	61,12
Kỳ 4 Tháng 6/2024	267.381.972.756	19.091.970,11	14.004,94	27,05
Kỳ 5 Tháng 6/2024	267.427.526.780	19.144.683,50	13.968,76	(36,18)
Kỳ 6 Tháng 6/2024	266.411.653.963	19.097.296,23	13.950,22	(18,54)
Kỳ 7 Tháng 6/2024	269.278.898.030	19.246.953,59	13.990,72	40,50
Kỳ 8 Tháng 6/2024	271.118.452.528	19.390.400,32	13.982,09	(8,63)
<b>Kỳ cuối Tháng 6/2024</b>	<b>272.129.765.595</b>	<b>19.474.378,86</b>	<b>13.973,73</b>	<b>(8,36)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RỘNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 7/2024	272.189.422.485	19.474.378,86	13.976,79	3,06
Kỳ 2 Tháng 7/2024	274.062.511.209	19.628.418,19	13.962,53	(14,26)
Kỳ 3 Tháng 7/2024	275.121.372.738	19.660.897,68	13.993,32	30,79
Kỳ 4 Tháng 7/2024	278.293.441.370	19.832.154,46	14.032,43	39,11
Kỳ 5 Tháng 7/2024	279.658.358.434	19.848.407,02	14.089,71	57,28
Kỳ 6 Tháng 7/2024	282.806.122.623	20.060.149,88	14.097,90	8,19
Kỳ 7 Tháng 7/2024	286.289.559.329	20.337.175,04	14.077,15	(20,75)
Kỳ 8 Tháng 7/2024	290.878.584.448	20.661.327,52	14.078,40	1,25
Kỳ 9 Tháng 7/2024	290.242.237.411	20.666.714,54	14.043,94	(34,46)
<b>Kỳ cuối Tháng 7/2024</b>	<b>290.945.410.448</b>	<b>20.739.947,35</b>	<b>14.028,26</b>	<b>(15,68)</b>
Kỳ 1 Tháng 8/2024	295.401.457.528	20.979.820,93	14.080,26	52,00
Kỳ 2 Tháng 8/2024	296.816.205.683	21.001.238,54	14.133,27	53,01
Kỳ 3 Tháng 8/2024	301.373.299.736	21.298.784,02	14.149,78	16,51
Kỳ 4 Tháng 8/2024	300.909.891.941	21.334.625,85	14.104,29	(45,49)
Kỳ 5 Tháng 8/2024	303.186.385.541	21.365.946,39	14.190,16	85,87
Kỳ 6 Tháng 8/2024	302.086.568.007	21.295.940,47	14.185,17	(4,99)
Kỳ 7 Tháng 8/2024	303.287.275.697	21.371.453,45	14.191,23	6,06
Kỳ 8 Tháng 8/2024	305.168.056.421	21.497.409,76	14.195,57	4,34
<b>Kỳ cuối Tháng 8/2024</b>	<b>308.300.480.367</b>	<b>21.736.186,12</b>	<b>14.183,74</b>	<b>(11,83)</b>
Kỳ 1 Tháng 9/2024	308.433.290.106	21.736.186,12	14.189,85	6,11
Kỳ 2 Tháng 9/2024	313.736.307.784	22.110.632,82	14.189,38	(0,47)
Kỳ 3 Tháng 9/2024	314.769.202.780	22.211.392,18	14.171,52	(17,86)
Kỳ 4 Tháng 9/2024	316.079.822.988	22.266.157,67	14.195,52	24,00
Kỳ 5 Tháng 9/2024	319.653.774.826	22.454.815,58	14.235,42	39,90
Kỳ 6 Tháng 9/2024	321.972.530.573	22.560.086,86	14.271,77	36,35
Kỳ 7 Tháng 9/2024	321.093.460.579	22.532.438,66	14.250,27	(21,50)
<b>Kỳ cuối Tháng 9/2024</b>	<b>322.522.737.875</b>	<b>22.641.678,86</b>	<b>14.244,64</b>	<b>(5,63)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VNĐ	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VNĐ	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VNĐ
Kỳ 1 Tháng 10/2024	327.072.630.731	22.913.314,81	14.274,34	29,70
Kỳ 2 Tháng 10/2024	328.077.099.340	23.053.933,35	14.230,85	(43,49)
Kỳ 3 Tháng 10/2024	328.985.550.896	23.173.281,81	14.196,76	(34,09)
Kỳ 4 Tháng 10/2024	332.449.348.309	23.392.959,61	14.211,51	14,75
Kỳ 5 Tháng 10/2024	335.009.398.251	23.534.574,24	14.234,77	23,26
Kỳ 6 Tháng 10/2024	335.520.313.792	23.662.506,02	14.179,40	(55,37)
Kỳ 7 Tháng 10/2024	338.172.627.540	23.777.201,27	14.222,55	43,15
Kỳ 8 Tháng 10/2024	338.729.163.414	23.772.254,26	14.248,92	26,37
Kỳ 9 Tháng 10/2024	340.639.248.479	23.907.694,18	14.248,10	(0,82)
<b>Kỳ cuối Tháng 10/2024</b>	<b>340.698.006.198</b>	<b>23.918.253,84</b>	<b>14.244,26</b>	<b>(3,84)</b>
Kỳ 1 Tháng 11/2024	341.435.965.222	23.918.253,84	14.275,12	30,86
Kỳ 2 Tháng 11/2024	343.022.911.548	23.963.780,85	14.314,22	39,10
Kỳ 3 Tháng 11/2024	343.206.381.351	23.971.822,09	14.317,07	2,85
Kỳ 4 Tháng 11/2024	343.478.450.190	24.012.706,01	14.304,02	(13,05)
Kỳ 5 Tháng 11/2024	345.520.865.652	24.128.375,18	14.320,10	16,08
Kỳ 6 Tháng 11/2024	346.147.431.487	24.156.786,04	14.329,20	9,10
Kỳ 7 Tháng 11/2024	348.697.661.480	24.257.217,48	14.375,00	45,80
Kỳ 8 Tháng 11/2024	349.805.904.320	24.349.229,93	14.366,19	(8,81)
<b>Kỳ cuối Tháng 11/2024</b>	<b>350.751.202.149</b>	<b>24.424.635,55</b>	<b>14.360,55</b>	<b>(5,64)</b>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

18. XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (tiếp theo):

Kỳ tính NAV	NAV VND	Số lượng chứng chỉ quỹ	NAV/đơn vị quỹ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/đơn vị quỹ VND
Kỳ 1 Tháng 12/2024	350.964.368.147	24.424.635,55	14.369,27	8,72
Kỳ 2 Tháng 12/2024	353.556.995.830	24.590.931,20	14.377,53	8,26
Kỳ 3 Tháng 12/2024	354.531.610.348	24.642.867,39	14.386,78	9,25
Kỳ 4 Tháng 12/2024	363.992.976.935	25.244.138,37	14.418,91	32,13
Kỳ 5 Tháng 12/2024	364.953.607.195	25.319.213,84	14.414,09	(4,82)
Kỳ 6 Tháng 12/2024	368.061.293.292	25.515.111,31	14.425,22	11,13
Kỳ 7 Tháng 12/2024	370.232.356.875	25.706.718,33	14.402,16	(23,06)
Kỳ 8 Tháng 12/2024	373.724.373.173	25.886.191,96	14.437,20	35,04
Kỳ 9 Tháng 12/2024	381.546.851.739	26.377.384,65	14.464,92	27,72
<b>Kỳ cuối Tháng 12/2024</b>	<b>386.080.314.160</b>	<b>26.693.531,62</b>	<b>14.463,44</b>	<b>(1,48)</b>

Giá trị tài sản ròng bình quân trong năm **270.500.782.527**

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức cao nhất

Biến động giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ trong năm - mức thấp nhất

85,87

0,17

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 19. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

### Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành

Chi tiết theo thời gian có thể mua lại chứng chỉ quỹ:

	Số cuối năm (chứng chỉ quỹ)	Số đầu năm (chứng chỉ quỹ)
Đến một năm	<u>40.530.368,92</u>	<u>26.693.531,62</u>

## 20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ MỞ

	Năm nay (%)	Năm trước (%)
Tỷ lệ chi phí hoạt động	0,76	0,66
Tốc độ vòng quay danh mục	50,18	44,08

### 20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí phát hành, chi phí mua lại chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc phát hành, mua lại chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

### 20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ trong một (1) năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị mua trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm})/2 * 100 (\%)}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quỹ có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động của Quỹ. Quỹ cũng đã được Công ty Quản lý Quỹ xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

### 21.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các dòng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư chứng khoán.

#### (i) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung, cầu của tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới giá trái phiếu.

Ảnh hưởng: Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu có lãi suất cố định giảm trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Đối với trái phiếu doanh nghiệp, lãi suất tăng còn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của tổ chức phát hành, đặc biệt các tổ chức sử dụng đòn bẩy cao. Theo đó, mức rủi ro của tổ chức phát hành có thể tăng lên và đẩy lợi tức trái phiếu do doanh nghiệp đó phát hành tăng theo, làm suy giảm giá trái phiếu của doanh nghiệp đó.

Phương pháp quản trị rủi ro: Quỹ giảm thiểu rủi ro lãi suất bằng cách giữ kỳ hạn của trái phiếu phù hợp với các kỳ vọng về lãi suất. Cụ thể là Quỹ sẽ nắm giữ trái phiếu có lãi suất cố định với kỳ hạn ngắn hơn và nhiều trái phiếu có lãi suất thả nổi hơn khi lãi suất được dự báo tăng và ngược lại khi lãi suất được dự báo giảm. Đòn bẩy của các công ty Quỹ đầu tư vào và ảnh hưởng tiềm tàng của rủi ro lãi suất đến các khoản đầu tư của Quỹ sẽ được theo dõi thường xuyên.

#### (ii) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quỹ được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quỹ là VNĐ. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quỹ là không có do Quỹ không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.

#### (iii) Rủi ro về giá chứng khoán

Các trái phiếu niêm yết do Quỹ nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của trái phiếu đầu tư. Quỹ quản lý rủi ro về giá trái phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Quỹ cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào trái phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào trái phiếu niêm yết của Quỹ là 279.556.248.914 đồng. Nếu giá trị thị trường của các trái phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động của Quỹ sẽ giảm khoảng 27.955.624.891 đồng, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá thị trường của các trái phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động của Quỹ sẽ tăng lên khoảng 27.955.624.891 đồng.



# Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

## 21. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

### 21.2 *Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo cam kết, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tài sản tài chính bao gồm tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và các công cụ tài chính khác.

Quý chủ yếu duy trì số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế có uy tín ở Việt Nam. Rủi ro đối với số dư tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng, các tổ chức tín dụng và tổ chức kinh tế được quản lý bởi Công ty Quản lý Quỹ theo chính sách của Quý. Quý nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng, trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi là rất thấp.

Chính sách của Quý là đầu tư vào các công cụ tài chính của các đối tác có uy tín. Bộ phận quản lý đầu tư theo dõi chặt chẽ tình hình tín dụng của các đối tác của Quý bằng cách xem xét tình hình tài chính, khả năng trả nợ của đối tác, báo cáo tài chính và thông tin đại chúng.

### 21.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Quý đầu tư chủ yếu trên thị trường chứng khoán và các công cụ tài chính khác, trong điều kiện bình thường của thị trường, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền mặt. Quý giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối năm:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ	Giá trị ghi sổ VNĐ	Giá trị hợp lý VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và tương đương tiền	56.166.441.486	56.166.441.486	119.146.651.555	119.146.651.555
Các khoản đầu tư	555.414.421.537	555.414.421.537	263.513.986.394	263.513.986.394
- Trái phiếu doanh nghiệp	337.814.479.134	337.814.479.134	233.485.449.408	233.485.449.408
- Chứng chỉ tiền gửi	180.001.723.781	180.001.723.781	22.000.000.000	22.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	37.598.218.622	37.598.218.622	8.028.536.986	8.028.536.986
- Tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng	10.271.315.750	10.271.315.750	7.450.334.738	7.450.334.738
Các khoản phải thu				
	<b>621.852.178.773</b>	<b>621.852.178.773</b>	<b>390.110.972.687</b>	<b>390.110.972.687</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ	486.624.006	486.624.006	137.923.859	137.923.859
Chi phí phải trả	101.520.000	101.520.000	27.000.000	27.000.000
Phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ	1.774.762.003	1.774.762.003	3.074.464.900	3.074.464.900
Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ	11.973.498	11.973.498	622.039.780	622.039.780
Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở	351.808.277	351.808.277	139.315.573	139.315.573
	<b>2.726.687.784</b>	<b>2.726.687.784</b>	<b>4.000.744.112</b>	<b>4.000.744.112</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu, phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, chi phí phải trả, phải trả cho Nhà đầu tư về phát hành chứng chỉ quỹ, phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ và phải trả dịch vụ quản lý quỹ mở bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi và tiền gửi có kỳ hạn trên ba (3) tháng được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh* 3.4.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
 Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHÓT KHÁC**

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan**

a) Công ty Quản lý Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ quản lý Quỹ mở	<u>2.607.089.355</u>	<u>476.897.687</u>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ	263.909.648	62.095.573
Phải trả phí về mua lại Chứng chỉ quỹ	<u>486.624.006</u>	<u>137.923.859</u>
	<u>750.533.654</u>	<u>200.019.432</u>

b) Thù lao của Ban Đại diện Quỹ

Ngoài tiền thù lao, không có bất kỳ hợp đồng nào mà theo đó Quỹ và bất kỳ thành viên của Ban Đại diện Quỹ là một bên tham gia ký kết hợp đồng trong trường hợp thành viên Ban Đại diện Quỹ có lợi ích quan trọng trong hợp đồng. Thù lao của Ban Đại diện Quỹ được hạch toán vào chi phí của Quỹ.

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>120.000.000</u>	<u>120.000.000</u>

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Phải trả thù lao Ban Đại diện Quỹ	<u>27.000.000</u>	<u>27.000.000</u>

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**  
(tiếp theo)

**23.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan** (tiếp theo)

c) *Số lượng chứng chỉ quỹ mà bên liên quan nắm giữ*

Chi tiết số lượng chứng chỉ quỹ được nắm giữ bởi bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
		<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>	<i>Số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank	Công ty Quản lý Quỹ	5.000.000,24	12,34	5.000.000,24	18,73
Bên liên quan khác		313.762,67	0,77	297.935,01	1,12
		<b>5.313.762,91</b>	<b>13,11</b>	<b>5.297.935,25</b>	<b>19,85</b>

**23.2 Các hợp đồng then chốt khác**

*Ngân hàng Giám sát*

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"):

(i) *Giá dịch vụ giám sát*

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 2 lần/tuần, Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát là Bốn điểm cơ bản (0,04%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 16.000.000 VNĐ (mười sáu triệu đồng) một tháng. Giá Dịch Vụ Ngân Hàng Giám Sát được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ ngân hàng giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ giám sát được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

(ii) *Giá dịch vụ lưu ký*

Trường hợp Quỹ giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ lưu ký là Ba điểm cơ bản (0,03%) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 11.000.000 VNĐ (mười một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ lưu ký được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân Hàng Giám Sát. Giá dịch vụ lưu ký trên chưa bao gồm chi phí giao dịch và đăng ký cho các giao dịch chứng khoán, thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ lưu ký được ghi nhận vào chi phí của Quỹ tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**23. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC**  
(tiếp theo)

**23.2 Các hợp đồng then chốt khác** (tiếp theo)

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ:

Trường hợp Quý giao dịch với tần suất 02 (hai) lần/tuần, Giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,05% (năm điểm cơ bản) một năm trên NAV với mức tối thiểu là 31.000.000 VNĐ (ba mươi một triệu đồng) một tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ được tính toán và cộng dồn hàng kỳ theo chu kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho bên cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ quản trị quỹ trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ quản trị quỹ được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Giá dịch vụ Ngân hàng Giám sát trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)

Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính cho quý là 36.000.000 VNĐ (ba mươi sáu triệu đồng) một năm, tương đương với 3.000.000 VNĐ (ba triệu đồng) một tháng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí của Quý tại mỗi kỳ định giá và được thanh toán hàng tháng cho Ngân hàng Giám sát.

Ngoài ra, Quý có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giao dịch chứng khoán là 220.000 VNĐ (hai trăm hai mươi nghìn đồng) giao dịch. Giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)

Chi tiết giá dịch vụ và thu nhập phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Giá dịch vụ giám sát	246.186.456	211.200.000
Giá dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	166.272.175	132.000.000
Giá dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	44.638.000	12.100.000
Giá dịch vụ quản trị quỹ mở	448.800.000	448.800.000
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	14.359.906	7.270.878
Phí ngân hàng	10.296.530	12.342.000

Số dư tại thời điểm cuối năm như sau:

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Tiền gửi thanh toán	12.348.534.637	8.756.405.187
Phải trả dịch vụ giám sát	23.224.050	17.600.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	15.834.579	11.000.000
Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	440.000	220.000
Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	37.400.000	37.400.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank  
Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B06-QM

**24. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Quý.

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 31 tháng 3 năm 2026



Người lập:  
Bà Nguyễn Mai Hoa  
Phó phòng Dịch vụ Quỹ và  
Danh mục



Người duyệt:  
Bà Trần Thị Hà Linh  
Kế toán Trưởng



Người duyệt:  
Bà Phạm Thanh Huyền  
Phó Tổng Giám đốc



